

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH KON TUM
Số:40/2021/QĐST – DS.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

N, ngày 22 tháng 10 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 14 tháng 10 năm 2021 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 90/2021/TLST – DS ngày 19 tháng 5 năm 2021;

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP C; Địa chỉ: Số X đường T, quận H, thành phố Hà Nội;

Người đại diện cho Ngân hàng TMCP C: Ông Ngô Anh T – Phó giám đốc Ngân hàng TMCP C – chi nhánh Kon Tum;

Địa chỉ chi nhánh: Số Y đường N, phường Q, thành phố K, tỉnh Kon Tum;

(Theo văn bản ủy quyền số 652/UQ-HĐQT-NHCT18 ngày 09-6-2020 về việc ủy quyền thường xuyên tham gia tố tụng của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP C);

Đồng bị đơn: Ông Hứa V và bà Lương Thị T;

Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã P, huyện N, tỉnh Kon Tum;

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về việc thanh toán nợ vay:

Vào ngày 15/7/2020, Ngân hàng TMCP C cho ông Hứa V và bà Lương Thị T vay số tiền gốc 200.000.000đ *(Hai trăm triệu đồng)* theo Hợp đồng cho vay số 292NH/2020-HĐCV/NHCT510; Mục đích cho vay: Bổ sung vốn chăm

sóc cả phê; Thời hạn cho vay 12 tháng; lãi suất trong hạn 9,5%/năm; lãi quá hạn 14,25%/năm.

Tính đến hết ngày 22/10/2021 (ngày thỏa thuận này có hiệu lực) thì ông Hứa V và bà Lương Thị T còn dư nợ: (Nợ gốc 200.000.000đ + nợ lãi trong hạn 14.210.896đ (số tiền lãi trong hạn là 19.000.000đ, đã trả được 4.789.104đ, còn nợ lại 14.210.896đ) + nợ lãi quá hạn 7.730.137đ); Tổng cả nợ gốc và lãi là: 221.941.033đ (hai trăm hai mươi một triệu, chín trăm bốn mươi một nghìn, không trăm ba mươi ba đồng).

Ông Hứa V và bà Lương Thị T có trách nhiệm trả tổng số tiền dư nợ gốc và lãi tính đến hết ngày 22/10/2021 là 221.941.033đ (hai trăm hai mươi một triệu, chín trăm bốn mươi một nghìn, không trăm ba mươi ba đồng).

2.2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án:

Áp dụng Điều 357 của Bộ luật dân sự và Án lệ số 08/2016/AL được công bố theo quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17-10-2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao: Công nhận thỏa thuận giữa Ngân hàng TMCP C với ông Hứa V và bà Lương Thị T: Kể từ ngày 23-10-2021 nếu ông Hứa V và bà Lương Thị T chậm thanh toán tiền thì phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, tương ứng với thời gian chậm trả, cho đến khi thi hành xong nợ. Bên vay phải chịu sự điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay. Mức lãi suất Tòa án quyết định cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2.3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:

Ông Hứa V và bà Lương Thị T chịu trách nhiệm trả lại cho Ngân hàng TMCP C 2.530.000đ (Hai triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng) tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, thời gian trả khi án có hiệu lực pháp luật. Nếu chậm trả chịu lãi 10%/năm/số tiền chậm trả.

2.4. Về xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ:

Cho đến hết ngày 22 tháng 10 năm 2021, ông Hứa V và bà Lương Thị T không trả đủ số tiền gốc và lãi trên thì Ngân hàng TMCP C được yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ:

Tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 301NH/2015/HĐTD ngày 09/6/2015 là: Thửa đất số 06, tờ bản đồ số 08 và tài sản gắn liền với đất tại thôn M, xã P, huyện N, tỉnh Kon Tum, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 260772 do Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Kon Tum cấp ngày 25/5/2015 cho ông Hứa V và bà Lương Thị T.

Nếu tài sản bảo đảm xử lý còn dư sau khi đã hoàn tất các nghĩa vụ sẽ được trả lại cho ông Hứa V và bà Lương Thị T; nếu thiếu thì ông Hứa V và bà Lương Thị T chịu trách nhiệm trả số tiền còn thiếu.

2.5. Về án phí:

Căn cứ Điều 144, khoản 3 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 7 Điều 26 và danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội: Ông Hứa V và bà Lương Thị T phải nộp 5.548.000đ (*Năm triệu năm trăm bốn mươi tám nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, để nộp ngân sách Nhà nước. Ngân hàng TMCP C được nhận lại 5.199.000đ (*Năm triệu một trăm chín mươi chín nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2016/0002712 ngày 18-5-2021 của chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Kon Tum.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo qui định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Nguyên đơn;
- Đồng bị đơn;
- VKSND huyện, tỉnh;
- THADS huyện;
- Lưu: HSVA.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hảo